

E- HỒ SƠ MỜI THẦU



Số hiệu E-TBMT: IB2500319911

Số hiệu gói thầu: Số 7

Tên gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong

Phát hành: ngày 18/7/2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-BQL ngày 18/7/2025 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng)

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSĐT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin

PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận

	<p>hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm</p>
--	---

	<p>b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Hạch toán tài chính độc lập;b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy

	<p>định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
6. Nội dung của E-HSMT	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là</p>

trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.

7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

	<p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
8. Chi phí dự thầu	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;- Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh);- Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;- Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng</p>

	<p>hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên</p>

	<p>danh) thay mặt liên danh nộp E-HSĐT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSĐT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSĐT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSĐT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSĐT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSĐT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSĐT thì E-HSĐT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSĐT: nhà thầu được rút E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSĐT. Khi rút E-HSĐT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSĐT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSĐT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSĐT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSĐT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSĐT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSĐXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSĐT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSĐT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <p>- Số E-TBMT;</p>

	<ul style="list-style-type: none">- Tên gói thầu;- Tên Chủ đầu tư;- Hình thức lựa chọn nhà thầu;- Loại hợp đồng;- Thời điểm hoàn thành mở thầu;- Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên nhà thầu;- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT;- Thời gian thực hiện gói thầu;- Các thông tin liên quan khác (nếu có).
19. Đánh giá E-HSĐXKT	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).- Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT.- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

	<p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.- Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá.- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
--	---

<p>20. Mở E-HSĐXTC</p>	<p>20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số E-TBMT;- Tên gói thầu;- Tên Chủ đầu tư;- Hình thức lựa chọn nhà thầu;- Loại hợp đồng;- Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSĐXTC:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên nhà thầu;- Giá dự thầu;- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>);- Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật;- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC;- Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>

22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>

	<p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p>

	<p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
26. Nhà thầu phụ	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành</p>

	<p>viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê</p>

khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;
- b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần "Mô tả dịch vụ" của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật

	<p>hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Bên mời thầu gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ</p>

	<p>thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
29. Hủy thầu	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số E-TBMT;- Tên gói thầu;- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);- Tên Chủ đầu tư;- Hình thức lựa chọn nhà thầu;- Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mã số thuế;- Tên nhà thầu;- Giá dự thầu;- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);- Điểm kỹ thuật;- Giá trúng thầu;

	<p>- Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
31. Tùy chọn mua thêm	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Dự thảo hợp đồng;</p> <p>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu;</p>

	<p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>33.2. Sau khi dự án được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo trúng thầu cho nhà thầu. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: ___[Hệ thống tự động trích xuất].
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: ___[Hệ thống tự động trích xuất]. Tên dự án/dự toán mua sắm: ___[Hệ thống tự động trích xuất].
E-CDNT 3	Nguồn vốn: ___[Theo E-TBMT].
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập E-HSMT: Công ty Cổ phần Kỹ thuật VITEC; Địa chỉ: Số 8, ngõ 115, Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không có.+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không có.+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có.+ Tư vấn kiểm định, giám sát thực hiện hợp đồng: Không có.+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không có.+ Tư vấn lập nhiệm vụ, dự toán: Công ty Cổ phần Kỹ thuật VITEC; Địa chỉ: Số 8, ngõ 115, Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.+ Tư vấn thẩm tra nhiệm vụ, dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn Hội cầu đường Hải Phòng; Địa chỉ: Số 4/61 Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng. <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất</p>

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật²: ____ [Hệ thống tự trích xuất].</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ: 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Hệ thống tự trích xuất theo quy định.
E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>- Cam kết của Nhà thầu: Nhà thầu cam kết trong trường hợp dự án không được phê duyệt thì chủ đầu tư hủy thầu và không</p>

² Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung.

	<p>yêu cầu chủ đầu tư phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25 Chương I thì phải gửi kèm tài liệu chứng minh.</p>
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 14.3	Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng.
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: \geq ___ ngày [trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 70% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 33.2	Chủ đầu tư thông báo trúng thầu cho nhà thầu trong thời gian 14 ngày kể từ ngày dự án được phê duyệt. Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Khu đô thị bắc sông Cấm, Thủy Nguyên, Hải Phòng; điện thoại: 0225.3821055, Fax: 0225.3747352. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Sở Tài chính Hải Phòng, địa chỉ: Số 06 đường Hồng Bàng, Hồng Bàng, Hải Phòng.
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Sở Tài chính Hải Phòng; địa chỉ: Số 06 đường Hồng Bàng, Hồng Bàng, Hải Phòng; điện thoại: 0225.3842614; Fax: 0225.3842021.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có):

- Đáp ứng yêu cầu đối với tổ chức thuộc lĩnh vực khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình giao thông cấp I theo quy định hiện hành;

- Có quyết định công nhận phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát với phòng thí nghiệm chuyên ngành được công nhận.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì các thành viên liên danh phải đáp ứng theo phần công việc đảm nhận.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ

chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	15		
1.1	Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 05 năm gần đây (từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm đóng thầu)	12		
1.1.1	Kinh nghiệm thực hiện thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. (Trường hợp nhà thầu Liên danh thì đánh giá theo khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận) (Nhà thầu phải cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng, xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để chứng minh đảm bảo tính khách quan và thuyết phục)	6		
	<i>≥ 03 hợp đồng/công trình (đạt 100% số điểm)</i>		6	
	<i>02 hợp đồng/công trình (đạt 70% số điểm)</i>		4,2	
	<i>01 hợp đồng/công trình (đạt 40% số điểm)</i>		2,4	
	<i>0 hợp đồng/công trình (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.1.2	Kinh nghiệm thực hiện gói thầu khảo sát công trình giao thông từ cấp I trở lên. (Trường hợp nhà thầu Liên danh thì đánh giá theo khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận). (Nhà thầu phải cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng, xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để chứng minh đảm bảo tính khách quan và thuyết phục)	6		
	<i>≥ 03 hợp đồng/công trình (đạt 100% số điểm)</i>		6	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	02 hợp đồng/công trình (đạt 70% số điểm)		4,2	
	01 hợp đồng/công trình (đạt 40% số điểm)		2,4	
	0 hợp đồng/công trình (đạt 0 điểm)		0	
1.2	Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn (Trường hợp liên danh: Số năm kinh nghiệm của liên danh được đánh giá trên cơ sở số năm kinh nghiệm của thành viên liên danh và tỷ lệ % khối lượng công việc thành viên đảm nhận tương ứng)	3		
	≥15 năm kinh nghiệm (đạt 100% số điểm)		3	
	10 ÷ <15 năm kinh nghiệm (đạt 70% số điểm)		2,1	
	07 ÷ <10 năm kinh nghiệm (đạt 40% số điểm)		1,2	
	< 07 năm kinh nghiệm (đạt 0% số điểm)		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (Trường hợp nhà thầu Liên danh cần đáp ứng theo tập thể nội dung này)	5		
	Có văn bản cam kết trong trong 10 năm gần đây (từ năm 2015 đến thời điểm mở thầu) không có vi phạm các nội dung theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ (đạt 100% số điểm)		5	
	Có văn bản cam kết trong trong 05 năm gần đây (từ năm 2020 đến thời điểm mở thầu) không có vi phạm các nội dung theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ (đạt 60% số điểm)		3	
	Không có văn bản cam kết hoặc cam kết không trung thực (đạt 0% số điểm)		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30		21
3.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu	5		
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu	2		

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu</i>		2	
	<i>Không am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu</i>		0	
3.1.2	Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các hạng mục công trình	1,5		
	<i>Có đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các hạng mục công trình</i>		1,5	
	<i>Không có đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các hạng mục công trình</i>		0	
3.1.3	Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các hạng mục công trình)	1,5		
	<i>Có khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các hạng mục công trình)</i>		1,5	
	<i>Không có khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các hạng mục công trình)</i>		0	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	5		
3.2.1	Cách tiếp cận của Tư vấn (Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; có phân công nhiệm vụ cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho gói thầu)	2		
	<i>Đề xuất về kỹ thuật đầy đủ, phân chia nhiệm vụ cụ thể, hoàn chỉnh và logic; có phân công nhiệm vụ cho từng chuyên gia tư vấn</i>		2	
	<i>Đề xuất về kỹ thuật đầy đủ, phân chia nhiệm vụ cụ thể nhưng chưa hoàn chỉnh và logic; có phân công nhiệm vụ cho từng chuyên gia tư vấn</i>		1	
	<i>Đề xuất về kỹ thuật chưa đầy đủ, chưa phân chia nhiệm vụ cụ thể; chưa phân công nhiệm vụ cho từng chuyên gia tư vấn</i>		0,5	
3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ	2		

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Hiểu rõ nhiệm vụ, đề xuất về kỹ thuật hợp lý, đầy đủ so với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu</i>		2	
	<i>Hiểu rõ nhiệm vụ, đề xuất về kỹ thuật hợp lý nhưng chưa đầy đủ so với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu</i>		1	
	<i>Chưa hiểu rõ nhiệm vụ, đề xuất về kỹ thuật chưa hợp lý và chưa đầy đủ so với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu</i>		0,5	
3.2.3	Đề xuất trình bày phương pháp luận rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của gói thầu)	1		
	<i>Trình bày nội dung rõ ràng, khoa học</i>		1	
	<i>Trình bày nội dung rõ ràng, chưa khoa học</i>		0,5	
	<i>Trình bày nội dung chưa rõ ràng</i>		0	
3.3	Sáng kiến cải tiến	2		
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu	1		
	<i>Đề xuất sáng kiến hợp lý, hiệu quả</i>		1	
	<i>Đề xuất sáng kiến hợp lý, chưa hiệu quả</i>		0,5	
	<i>Chưa đề xuất sáng kiến hoặc đề xuất chưa hợp lý</i>		0	
3.3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến	1		
	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận chuyên nghiệp và tiên tiến</i>		1	
	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận chuyên nghiệp</i>		0,5	
	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận chưa chuyên nghiệp</i>		0	
3.4	Cách trình bày đề xuất	2		
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1		
	<i>Trình bày kết cấu hợp lý, dễ theo dõi</i>		1	
	<i>Trình bày kết cấu hợp lý</i>		0,5	
	<i>Trình bày kết cấu chưa hợp lý</i>		0	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1		
	<i>Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục</i>		1	
	<i>Đề xuất hoàn chỉnh</i>		0,5	
	<i>Đề xuất chưa hoàn chỉnh</i>		0	
3.5	Kế hoạch triển khai	10		7
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	5		
	<i>Trình bày đầy đủ, rõ ràng, hợp lý và phù hợp với yêu cầu của điều khoản tham chiếu</i>		5	
	<i>Trình bày đầy đủ, rõ ràng, nhưng còn có nội dung chưa hợp lý, chưa phù hợp với yêu cầu của điều khoản tham chiếu</i>		3	
	<i>Trình bày chưa đầy đủ, rõ ràng và chưa hợp lý, chưa phù hợp với yêu cầu của điều khoản tham chiếu</i>		0	
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	3		
	<i>Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến</i>		3	
	<i>Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận nhưng chưa phù hợp với tiến độ dự kiến</i>		2	
	<i>Kế hoạch triển khai chưa phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến</i>		0	
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2		
	<i>Có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo</i>		2	
	<i>Có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc</i>		1	
	<i>Chưa có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc hoặc chưa có tiến độ nộp báo cáo</i>		0	
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		4,2

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của E-HSMT (Nhân sự đề xuất phải có kê khai và ký xác nhận về kinh nghiệm đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu theo Mẫu 07. Trường hợp không có hoặc không được ký xác nhận của các Nhân sự đề xuất sẽ không được chấm điểm tiêu chí này)	3		
	<i>Bố trí nhân sự đầy đủ, hợp lý theo yêu cầu của E-HSMT</i>		3	
	<i>Bố trí nhân sự đầy đủ, còn chưa hợp lý theo yêu cầu của E-HSMT</i>		1,5	
	<i>Bố trí nhân sự chưa đầy đủ và chưa hợp lý theo yêu cầu của E-HSMT</i>		0	
3.6.1	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai (Nhân sự đề xuất có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất trong E-HSDT. Trường hợp không có hoặc không được ký xác nhận của các Nhân sự đề xuất sẽ không được chấm điểm tiêu chí này)	3		
	<i>Huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai và chi tiết về thời điểm và thời gian</i>		3	
	<i>Huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai</i>		1,5	
	<i>Huy động tư vấn còn chưa phù hợp với kế hoạch triển khai</i>		0	
4	Nhân sự chủ chốt	50		35
	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm thiết kế (phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hạng I còn hiệu lực)	01	10	7,0
4.1.1	Bằng cấp		1	
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	2		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		2	
	$10 < < 15$ năm (đạt 70% số điểm)		1,4	
	$05 < < 10$ năm (đạt 40% số điểm)		0,8	
	< 05 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.3	Kinh nghiệm thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	2		
	≥ 02 hợp đồng/công trình trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 100% số điểm)		2	
	01 hợp đồng/công trình trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 70% số điểm)		1,4	
	0 hợp đồng/công trình hoặc không có công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 0 điểm)		0	
4.1.4	Kinh nghiệm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	4		
	≥ 03 hợp đồng/công trình (đạt 100% số điểm)		4	
	02 hợp đồng/công trình (đạt 70% số điểm)		2,8	
	01 hợp đồng/công trình (đạt 40% số điểm)		1,6	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>0 hợp đồng/công trình (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.1.5	Chủ nhiệm lập dự án có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.2	Chủ trì thiết kế hầm (phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hạng I còn hiệu lực)	01	9	6,3
4.2.1	Bằng cấp	1		
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0	
4.2.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	1		
	<i>≥ 10 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>07 ÷ < 10 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>05 ÷ < 07 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>< 05 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.3	Kinh nghiệm lập thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	2		
	<i>≥ 02 hợp đồng/công trình trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 100% số điểm)</i>		2	
	<i>01 hợp đồng/công trình trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 70% số điểm)</i>		1,4	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>0 hợp đồng/công trình hoặc không có công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.4	Kinh nghiệm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	4		
	<i>≥ 03 hợp đồng/công trình (đạt 100% số điểm)</i>		4	
	<i>02 hợp đồng/công trình (đạt 70% số điểm)</i>		2,8	
	<i>01 hợp đồng/công trình (đạt 40% số điểm)</i>		1,6	
	<i>0 hợp đồng/công trình (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.5	Chủ trì thiết kế hầm có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.3	Chủ trì thiết kế đường (phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hạng I còn hiệu lực)	01	6	4,2
4.3.1	Bằng cấp	1		
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0	
4.3.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	1		
	<i>≥ 10 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>07 ÷ <10 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>05 ÷ <07 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	< 05 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.3.3	Kinh nghiệm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	3		
	≥ 03 công trình/hợp đồng (đạt 100% số điểm)		3	
	02 công trình/hợp đồng (đạt 70% số điểm)		2,1	
	01 công trình/hợp đồng (đạt 30% số điểm)		0,9	
	0 công trình/hợp đồng (đạt 0% số điểm)		0	
4.3.4	Chủ trì thiết kế đường và nút giao có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.4	Chủ nhiệm khảo sát (phải có chứng chỉ hành nghề khảo sát hạng I còn hiệu lực)	01	6	4,2
4.4.1	Bằng cấp	1		
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành phù hợp (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0	
4.4.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	1		
	≥ 10 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	07 ÷ <10 năm (đạt 70% số điểm)		0,7	
	05 ÷ <07 năm (đạt 40% số điểm)		0,4	
	< 05 năm (đạt 0 điểm)		0	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.3	Kinh nghiệm chủ nhiệm/chủ trì khảo sát xây dựng công trình giao thông từ cấp I trở lên <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	3		
	≥ 03 công trình/hợp đồng (đạt 100% số điểm)		3	
	02 công trình/hợp đồng (đạt 70% số điểm)		2,1	
	01 công trình/hợp đồng (đạt 30% số điểm)		0,9	
	0 công trình (đạt 0% số điểm)		0	
4.4.4	Chủ nhiệm khảo sát có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.5	Quản lý chất lượng thiết kế (phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hạng I còn hiệu lực)	01	7	4,9
4.5.1	Bằng cấp	1		
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0	
4.5.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	2		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		2	
	$10 \div < 15$ năm (đạt 70% số điểm)		1,4	
	$05 \div < 10$ năm (đạt 40% số điểm)		0,8	
	< 05 năm (đạt 0 điểm)		0	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.5.3	Kinh nghiệm quản lý chất lượng thiết kế/chủ nhiệm/chủ trì thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	3		
	<i>≥ 03 công trình/hợp đồng (đạt 100% số điểm)</i>		3	
	<i>02 công trình/hợp đồng (đạt 70% số điểm)</i>		2,1	
	<i>01 công trình/hợp đồng (đạt 30% số điểm)</i>		0,9	
	<i>0 công trình/hợp đồng (đạt 0% số điểm)</i>		0	
4.5.4	Quản lý chất lượng thiết kế có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.6	Chủ trì lập dự toán xây dựng (phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ hạng I trở lên còn hiệu lực)	01	6	4,2
4.6.1	Bằng cấp	1		
	<i>Trình độ kỹ sư chuyên ngành xây dựng công trình giao thông hoặc kinh tế xây dựng (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc bằng cấp chuyên môn khác (đạt 0% số điểm)</i>		0,8	
4.6.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	1		
	<i>≥ 10 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>07 ÷ < 10 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>05 ÷ < 07 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>< 05 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.6.3	Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì lập tổng mức đầu tư/dự toán xây dựng công trình giao thông có giá trị ≥ 500 tỷ đồng. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo, hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>	3		
	≥ 03 công trình (đạt 100% số điểm)		3	
	02 công trình (đạt 70% số điểm)		2,1	
	01 công trình (đạt 30% số điểm)		0,9	
	0 công trình (đạt 0% số điểm)		0	
4.6.4	Chủ trì lập tổng mức đầu tư có cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện theo yêu cầu và tiến độ thực hiện trong đề xuất của E-HSDT; cam kết không trong thời gian huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.	1	1	
4.7	Kỹ sư thiết kế (có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hạng I còn hiệu lực)	02	6	
4.6.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng (kèm theo tài liệu chứng minh)	2		
	≥ 07 năm (đạt 100% số điểm)		2	
	$05 \div < 07$ năm (đạt 70% số điểm)		1,4	
	$03 \div < 05$ năm (đạt 30% số điểm)		0,6	
	< 03 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.6.2	Kinh nghiệm lập thiết kế công trình giao thông từ cấp I trở lên. <i>(Nhân sự kê khai và ký xác nhận kinh nghiệm theo Mẫu 07 kèm theo các tài liệu: Xác nhận của chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu tương đương khác để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Trường hợp không có tài liệu chứng minh kèm theo,</i>	4		

TT.	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>hoặc không được ký xác nhận của Nhân sự thì sẽ không được chấm điểm ở tiêu chí này)</i>			
	≥ 02 công trình/hợp đồng trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 100% số điểm)		4	
	01 công trình/hợp đồng trong đó ít nhất có 01 công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 70% số điểm)		2,8	
	0 công trình/hợp đồng hoặc không có công trình có hạng mục hầm đường bộ (đạt 0% số điểm)		0	
5	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)	0		
5.1	Không áp dụng			
Tổng cộng điểm:		100 điểm		tối thiểu đạt 80 điểm

Ghi chú:

- Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

- Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

- Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

1. Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá đang xét} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

- + Điểm giá đang xét: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;
- + $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;
- + $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;
- + T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

2. Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp đang xét} = K \times \text{Điểm kỹ thuật đang xét} + G \times \text{Điểm giá đang xét}$$

Trong đó:

- + Điểm kỹ thuật đang xét: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- + Điểm giá đang xét: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- + K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp (80%);
- + G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp (20%);
- + $K + G = 100\%$;
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

TT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện		
			Chủ đầu tư	Nhà thầu	
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform	X		
E-HSĐXKT					
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXKT			X	
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X	
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X	
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X	
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X	
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X	
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc		Webform		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X	
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X	
E-HSĐXTC					
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC				X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia				X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia				X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia				X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X	
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X	

Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

Không áp dụng.

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

TT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, THU THẬP SỐ LIỆU		
1	Điều tra, thu thập số liệu	toàn bộ	1,0
II	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
1	Lập bình đồ tuyến tỷ lệ 1/500 trên cạn	ha	11,00
2	Đo vẽ trắc dọc tuyến trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50	100m	24,00
3	Đo vẽ trắc ngang trên cạn tuyến 1/200	100m	49,73
III	CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT		
1	Khoan khảo sát địa chất trên cạn	m	480
2	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng:		
2.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	118
2.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	118
2.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	118
2.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	118
2.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	118
2.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (nén nhanh)	1 chỉ tiêu	118
2.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	118

TT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
3	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng		
3.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	50
3.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	50
3.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định độ chặt tiêu chuẩn của đất rời	1 chỉ tiêu	50
3.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	50
4	Thí nghiệm SPT	điểm	240
5	Thí nghiệm nén cố kết Cv	mẫu	15
6	Thí nghiệm nén cố kết Cu	mẫu	15
7	Thí nghiệm nén cố kết Uu	mẫu	15
8	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	mẫu	156
9	Thí nghiệm mẫu nước		
9.1	Thí nghiệm phân tích nước - Độ PH	1 chỉ tiêu	1
9.2	Thí nghiệm phân tích nước - Hàm lượng SO4-2	1 chỉ tiêu	1
9.3	Thí nghiệm phân tích nước - Hàm lượng ion Cl-	1 chỉ tiêu	1
10	Quan trắc mực nước ngầm trong lỗ khoan	toàn bộ	1,0
11	Thí nghiệm mẫu đất gia cố xi măng	mẫu	108

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
1	Lập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công
2	Lập BIM bước lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSĐXKT)

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSĐT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSĐT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]³ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

³ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Mẫu số 05 (Scan đính kèm)

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Mẫu số 06 (Scan đính kèm)

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]



Mẫu số 07 (Scan đính kèm)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.



TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc (1)	Tháng/ngày thứ (2) [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[<i>Ví dụ: Hạng mục công việc 1:</i> 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[<i>Hạng mục công việc 2</i>]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Mẫu số 09 (Webform trên Hệ thống)

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	...	
I	Nhân sự chủ chốt ³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
2					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
				[Công ty]				
	Số công nhân sự chủ chốt				[Thực địa]				
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
2				[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 E-BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 E-BDL.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ (1)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___
[Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo
đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Hệ thống tự động trích
xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá
là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Hệ thống tự động tính] (đã
bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [Hệ thống tự động trích xuất].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a) + (b)
2		Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
II	Nhân sự khác						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		(A)
2		Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
Tổng cộng							(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Hệ thống tự tính

Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty Thực địa							
...			Công ty Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này.

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...



Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYẾN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Hệ thống tự động tính

Mẫu số 14 (webform trên Hệ thống)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 15 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU

1. Khái quát về dự án

Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong đã được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 với nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông khu vực Hải An theo quy hoạch được phê duyệt; khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông và đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện khi đi qua nút giao giữa đường Bùi Viện, Ngô Gia Tự và đường Lê Hồng Phong, sân bay quốc tế Cát Bi; Góp phần giảm tải lưu lượng xe trên tuyến Quốc lộ 5 đoạn qua nội thành và các tuyến đường khác; Tạo điểm nhấn kiến trúc trong không gian đô thị quận Hải An.

2. Nội dung và quy mô xây dựng chính:

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh nút giao thông tầng 1 theo dạng đảo xuyên, bán kính đảo $R=30m$.

- Đầu tư xây dựng Hàm chui trên đường Bùi Viện, thiết kế vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép có tổng chiều dài khoảng 485m, trong đó: Hàm kín có chiều dài 125m, chiều rộng 26,7m với mặt cắt ngang hình hộp kép gồm 02 khoang có kích thước mỗi khoang là 11,95x5,25m, 06 làn xe. Hàm hở hai bên có chiều dài mỗi bên là 180m, dạng chữ U, bề rộng hàm 26,7m (Phần xe chạy trong hàm: $2x2x3,75m+2x3,25m=21,5m$; Dải an toàn và gờ chắn: $2x0,7m+2x0,5m+1,2m=3,6m$; Gờ lan can: $2x0,8m=1,6m$), 06 làn xe, tường chắn chữ L bằng bê tông cốt thép và vượt nối hai đầu hàm. Vận tốc thiết kế tuyến chính, $V=70km/h$.

- Đầu tư xây dựng đường Bùi Viện đoạn hầm hở với tổng bề rộng 50,5m (phần hầm hở rộng 26,7m; Phân đường gom: $2x3,5m+2x3,0m=13,0m$; Dải an toàn đường gom: $2x0,5m=1,0m$; Vía hè: $2x4,2m=8,4m$); đường Lê Hồng Phong và Ngô Gia Tự giữ nguyên hiện trạng, thiết kế vượt nối êm thuận với nút giao đảo xuyên.

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến: Hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh và an toàn giao thông.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Sơ bộ tổng mức đầu tư: 785.986 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

6. Địa điểm xây dựng: Quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

7. Thời gian thực hiện: 2024-2027.

2. Mô tả khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 7 - Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.
- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Hải Phòng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không lựa chọn danh sách ngắn; Qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng:
 - + Khảo sát: Đơn giá cố định;
 - + Lập thiết kế BVTC, dự toán và BIM: trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 tháng.

Ghi chú: Thuế giá trị gia tăng, theo quy định tại Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội quy định áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026. Do vậy, Tư vấn cần xác định các công việc dự kiến hoàn thành để xác định giá dự thầu của nhà thầu theo quy định.

3. Mục đích tuyển chọn tư vấn

Lựa chọn tư vấn đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và lập BIM Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong đảm bảo chất lượng và tiến độ dự án.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Khảo sát thiết kế bản vẽ thi công:

1.1. Mục đích khảo sát

Thu thập các số liệu, tài liệu có liên quan; khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình và các công việc khảo sát khác phục vụ cho việc lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

1.2 Phạm vi khảo sát

- Phạm vi dự án: tại vị trí nút giao giữa đường Bùi Viện và Lê Hồng Phong, tính từ tim nút giao về mỗi phía 400m.
- Địa điểm xây dựng: tuyến đi qua địa phận phường Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Nội dung khảo sát:
 - + Điều tra thu thập các tài liệu liên quan;
 - + Khảo sát địa hình khu vực công trình;
 - + Khảo sát địa chất công trình, thủy văn công trình;

+ Khảo sát, điều tra công trình ngầm, nổi khu vực dự án (điện trung/hạ thế, điện chiếu sáng, cáp buru điện, cáp thông tin liên lạc, ống cấp nước, các công trình ngầm khác) và bãi đổ thải vật liệu, mỏ vật liệu và các trạm trộn bê tông nhựa, bê tông xi măng.

1.3. Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng

Theo Khung tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 07/5/2025.

Tiêu chuẩn áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2009/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ	QCVN 18:2019/BTNMT
4	Quy phạm trang bị điện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện	11TCN 18÷21 - 2006 QCVN QTĐ-5÷7:2009/BCT QCVN QTĐ-8: 2010/BCT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2021/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa	QCVN 39:2020/BGTVT
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2019/BGTVT

Quy chuẩn áp dụng:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Quy phạm đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000 (phần ngoài trời)	96 TCN 43- 90

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401: 2012
5	Tiêu chuẩn khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
6	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
7	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437- 2012
8	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 9861:2013
9	Hướng dẫn kỹ thuật công tác địa chất công trình cho xây dựng trong vùng Karst	TCVN 9402:2012
10	Áo đường mềm - Xác định Môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
11	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5747:1993
12	Chất lượng đất - Lấy mẫu - Yêu cầu chung	TCVN 7538 -(1-6):2010
13	Đất xây dựng - Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683: 2012
14	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351: 2012
15	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012
16	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
17	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
18	Thí nghiệm phân tích nước	TCXD 81-1981
19	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
20	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845-2013
21	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 1 Quan trắc khí tượng bề mặt	TCVN 12636-1:2012
22	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 2 - Quan trắc mực nước và nhiệt độ nước sông	TCVN 12636-2:2013

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
23	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 3: Quan trắc hải văn	TCVN 12636-3:2014
24	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 7: Quan trắc gió trên cao	TCVN 12636-7:2015
25	Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 8: Quan trắc lưu lượng nước sông vùng không ảnh hưởng thủy triều	TCVN 12636-1:2016

Và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

1.4. Nội dung công tác khảo sát

1.4.1 Điều tra thu thập số liệu:

Trên cơ sở các số liệu đã điều tra, khảo sát của bước Báo cáo nghiên cứu khả, tiến hành điều tra bổ sung và cập nhật các số liệu cho bước thiết kế bản vẽ thi công như sau:

- Điều tra các số liệu về kinh tế - xã hội, giao thông vận tải khu vực dự án để phục vụ công tác thiết kế; chú trọng các dự án liên quan đến giao thông lân cận; các quy hoạch xây dựng liên quan, các dự án phát triển hạ tầng khác...;

- Điều tra, khảo sát các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm nổi, trạm biến áp hiện có, thông tin liên lạc, hệ thống thủy lợi, cấp nước...

- Mua, thu thập các tài liệu về giá có liên quan để phục vụ công tác lập dự toán: Giá ca máy địa phương; Đơn giá vật liệu xây dựng; Đơn giá xây dựng cơ bản, Thu thập giá cước vận chuyển....;

- Mua tập công bố giá vật liệu của địa phương và các chi phí sản xuất liên quan;

- Điều tra, thu thập Thông báo giá vật liệu của các nhà cung cấp, cự ly vận chuyển, các loại phí liên quan;

Và các công tác khác có liên quan phục vụ công tác thiết kế.

1.4.2. Khảo sát địa hình:

a) Lưới khống chế mặt bằng và độ cao

- Lập lưới khống chế mặt bằng hạng IV: Sử dụng lại lưới khống chế mặt bằng hạng IV đã lập ở bước lập Báo cáo NCKT.

- Lập lưới khống chế độ cao hạng IV: Sử dụng lại lưới khống chế độ cao hạng IV đã lập ở bước lập Báo cáo NCKT.

- Lưới đường chuyền cấp 2: Sử dụng lại lưới đường chuyền cấp 2 đã lập ở bước lập Báo cáo NCKT.

- Lưới độ cao cấp kỹ thuật: Sử dụng lại lưới độ cao kỹ thuật đã lập ở bước lập Báo cáo NCKT.

b) Khảo sát tuyến

- Bước lập Báo cáo NCKT đã thực hiện khảo sát:

+ Đo bình đồ tuyến chính tỷ lệ 1/1.000.

+ Đo trắc dọc tuyến chính với khoảng cách các cọc trung bình 50m/cọc, bổ sung các cọc địa hình, yếu tố đường cong, trung bình 25 trắc ngang trên 1km..

+ Đo trắc ngang tuyến từ tim tuyến ra mỗi bên 30m.

- Bước thiết kế bản vẽ thi công tận dụng lại bình đồ tuyến 1/1.000, đồng thời đo vẽ cập nhật thành tỷ lệ 1/500. Khảo sát đo trắc dọc và trắc ngang tuyến, rải cọc tăng dày đảm bảo cự ly các cọc tối đa 20m/cọc, bổ sung các cọc địa hình thay đổi và các cọc trong đường cong nằm.

c) Khảo sát bình đồ

Cập nhật, đo vẽ bổ sung bình đồ tuyến tỷ lệ 1/1.000 thành tỷ lệ 1/500

Ngoài các yêu cầu kỹ thuật theo quy trình quy phạm khảo sát, trong khi đo vẽ bình đồ cao độ cần phải thể hiện đầy đủ các địa hình, địa vật sau đây:

- Lưới khống chế mặt bằng, độ cao hạng IV và lưới đường chuyên cấp 2.

- Địa giới hành chính phường (xã), tỉnh (Thành phố)...

- Chi tiết các loại nhà cửa hiện có (phục vụ công tác thống kê giải phóng mặt bằng).

- Vị trí các đường giao cắt với tuyến đường khảo sát và các mặt cắt ngang đại diện của các đường giao cắt đó.

- Các công trình nhân tạo quan trọng như: mương máng thủy lợi, đường điện cao thế, v.v...

- Các công trình nổi, ngầm: hệ thống các đường cấp thoát nước, điện, xăng dầu, thông tin liên lạc, v.v...

Khối lượng lập bình đồ tuyến dự kiến:

Bình đồ tuyến tỷ lệ 1/1.000 thực hiện bước Báo cáo Nghiên cứu khả thi, đo đạc cập nhật thành bình đồ tỷ lệ 1/500: 11,0 (ha).

d) Đo vẽ trắc dọc, trắc ngang

Bao gồm các công tác đo cao, đo dài (vẽ mặt cắt dọc), đo vẽ mặt cắt ngang tuyến:

- Định trắc dọc bằng máy toàn đạc điện tử.

- Đo cao các cọc chi tiết chỉ cần đo một lượt và khép vào mốc GPS hoặc hệ lưới khống chế đo vẽ trong khu vực.

- Trên cơ sở kết quả đo dài, đo cao vẽ trắc dọc tuyến tỷ lệ 1/500-1/50, phạm vi đo trắc dọc toàn bộ tuyến;

Đo trắc dọc tuyến tỷ lệ 1/500, 1/50 trên cạn địa hình cấp IV: 24,0 (100m).

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến theo tỷ lệ 1/200 được đo vẽ tại tất cả các cọc địa hình đặc trưng (theo yêu cầu của CTTK/CNTK). Phạm vi đo mặt cắt ngang từ tim tuyến sang theo phạm vi bình đồ. Khoảng cách đo vẽ mặt cắt ngang tối đa 20m, bổ sung các cọc địa hình, yếu tố đường cong, trung bình đo vẽ 65 trắc ngang trên 1,0km. Đo từ tim ra mỗi bên 40m. Do ảnh hưởng của việc xây dựng các bến cảng và ảnh hưởng của thủy triều, địa hình biến đổi liên tục qua các chu kỳ, qua các mùa, do đó để có số liệu đầy đủ, chính xác cho thiết kế, kiến nghị khảo sát lại mặt cắt ngang tuyến.

Đo trắc ngang tuyến tỷ lệ 1/200 trên cạn địa hình cấp IV: (m) = 49,73 (100m).

- Trên cắt ngang phải thể hiện rõ địa hình, địa vật và các công trình đặc biệt nếu có. Đo các mặt cắt ngang tương ứng với các vị trí có các công trình cột điện, cột thông tin... và phải thể hiện rõ các cột đó lên cắt ngang.

1.4.3. Khảo sát địa chất:

a) Thu thập tài liệu:

Thu thập tài liệu khảo sát ở các dự án lân cận như cầu vượt nút giao Bùi Viện trên đường Vành đai 2 (tại vị trí lỗ khoan BV-LKT4) và sử dụng lại kết quả khảo sát địa chất tại một số lỗ khoan đã thực hiện ở bước thiết kế bản vẽ thi công của dự án Phát triển giao thông đô thị thành phố Hải phòng, hợp phần A: Phát triển đường trục đô thị. Theo đó, địa chất khu vực dự án xuất hiện lớp đất yếu dày ở dưới sâu...

Trong bước thiết kế bản vẽ thi công sẽ tiến hành khoan nền đường dưới đáy móng công trình đảm bảo theo quy định.

b) Lỗ khoan địa chất:

Theo quy định tại mục 8.3.2.2 TCCS 31:2020/TCĐBVN Khảo sát địa chất công trình nền đất yếu: Khoảng cách thăm dò trung bình từ 50m đến 100m; chiều sâu khoan thăm dò hết lớp đất yếu vào lớp đất chịu lực từ 2m đến 4m; cách 100-200m tiến hành 1 mặt cắt ngang địa chất công trình trên đó có 3 vị trí thăm dò.

Theo mục 8.3.4.2 TCCS 31:2020/TCĐBVN. Công tác thăm dò được tiến hành bằng các lỗ khoan trên tim công trình dự kiến và trên các mặt cắt ngang ĐCCT. Khoảng cách giữa các lỗ khoan từ 10m đến 30m trên tim công trình. Mỗi vị trí xây dựng tường chắn nên khoan thăm dò tối thiểu 1 mặt cắt ngang ĐCCT, các lỗ khoan trên mặt cắt ngang nằm cách tim tường chắn từ 3m đến 5m. Độ sâu của lỗ khoan phải tới tầng đá gốc hoặc vào tầng chịu lực từ 2m đến 3m.

Theo đó bố trí lỗ khoan địa chất cách nhau 30m/lỗ, bố trí 02 mặt cắt ngang địa chất trong phạm vi hầm kín trên đó bố trí 3 vị trí lỗ khoan trong đó lấy mẫu thí nghiệm tại lỗ khoan tim tuyến, 2 lỗ khoan 2 bên để thăm dò địa chất. Chiều sâu lỗ khoan dự kiến khoảng 40m/lỗ.

c) Yêu cầu kỹ thuật khoan:

Trong khi khoan cần tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu kỹ thuật trong quy trình khoan thăm dò địa chất công trình. Công tác khoan và lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu được thực hiện theo đúng quy định.

Sau khi hoàn thành, các lỗ khoan phải tiến hành đậy nắp, đánh dấu vị trí lỗ khoan ngoài thực địa, trên bình đồ để thuận lợi trong quá trình kiểm tra và nghiệm thu sau này; mẫu đất yếu phải được lấy bằng ống mẫu thành mỏng hoặc ống mẫu pít tông. Mẫu đất đã lấy được trong lỗ khoan, sắp xếp theo thứ tự độ sâu lấy mẫu, ký hiệu mẫu, file ảnh được gửi cho CNTK.

d) Điều kiện kết thúc lỗ khoan:

+ Chiều sâu lỗ khoan chỉ là dự kiến, lỗ khoan chỉ được phép kết thúc khi khoan vào lớp đất tốt: khoan vào lớp đất ít nhất 2,0-3,0m (SPT \geq 8).

+ Trong mọi trường hợp, sau khi kết thúc lỗ khoan phải báo cho CTTK, trong trường hợp khoan hết chiều sâu dự kiến mà vẫn chưa thoả mãn các điều kiện trên cần tiếp tục khoan đến chiều sâu như đã quy định sau khi thống nhất với CTTK, CNDA. Khi phát sinh các lỗ khoan sâu hơn chiều sâu dự kiến việc bố trí vị trí các lỗ khoan sẽ được xem xét tùy vào điều kiện thực tế để đảm bảo không phát sinh tăng khối lượng khoan.

e) Lấy mẫu xác định tầng địa chất và thí nghiệm xác định các chỉ tiêu

- Yêu cầu kỹ thuật khoan và lấy mẫu:

+ Công tác khoan ĐCCT cần tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành về khảo sát địa chất công trình, trong đó đặc biệt lưu ý các yêu cầu sau:

+ Khoảng cách lấy mẫu phục vụ thí nghiệm không quá 2m/mẫu.

+ Số lượng mẫu lấy phải thoả mãn không dưới 1 mẫu đối với mỗi lớp đất trong một lỗ khoan, và tổng số không ít hơn 6 mẫu đối với mỗi lớp đất cho toàn bộ công trình. Công tác lấy mẫu và bảo quản tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 2683:2012.

+ Sau khi hoàn thành, các lỗ khoan phải tiến hành đậy nắp, đánh dấu vị trí lỗ khoan ngoài thực địa và trên bình đồ để thuận lợi trong quá trình kiểm tra và nghiệm thu.

f) Công tác thí nghiệm hiện trường:

- Thí nghiệm SPT: Thực hiện SPT tại tất cả các lỗ khoan. Cự ly 2,0m/điểm. Các thí nghiệm tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 9351-2012.

Các thí nghiệm tuân theo tiêu chuẩn 22TCN 355-06.

- Quan trắc mực nước ngầm: Quan trắc mực nước ngầm ổn định trong tất cả các lỗ khoan trên cạn và thể hiện cao độ mực nước trong hình trụ lỗ khoan.

Yêu cầu quan trắc: Độ sâu và thời điểm mực nước xuất hiện, ổn định.

g) Công tác thí nghiệm trong phòng

Sau khi có hình trụ lỗ khoan của toàn bộ công trình, số lượng mẫu và các chỉ tiêu thí nghiệm sẽ được thống nhất giữa đơn vị khoan khảo sát địa chất và Chủ nhiệm thiết kế trước khi tiến hành.

- Đối với mẫu nguyên dạng: Thành phần hạt (P%), độ ẩm thiên nhiên (W), dung trọng thiên nhiên (γ), khối lượng riêng (Δ), giới hạn chảy (WL) và giới hạn dẻo (WP), hệ số nén lún (a), cường độ kháng cắt (C, ϕ - theo phương pháp cắt nhanh trực tiếp); Riêng với đất yếu bổ sung thí nghiệm: nén cố kết (tối thiểu đến cấp áp lực 8kg/cm²), nén 3 trục sơ đồ CU+UU, hàm lượng hữu cơ - đối với đất yếu;. Thí nghiệm bổ sung nén 1 trục nở hông tự do.

- Đối với mẫu không nguyên dạng:

+ Đối với đất dính: P(%), Δ , W, WL, WP;

+ Đối với đất rời: P(%), Δ , góc nghỉ khô (α_d), góc nghỉ bão hoà (α_w), hệ số rỗng lớn nhất (ϵ_{max}), hệ số rỗng nhỏ nhất (ϵ_{min}).

- Đối với mẫu đá: Xác định γ , Δ , cường độ kháng nén ở hai trạng thái khô và bão hoà.

Các thí nghiệm tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, phân loại đất xác định theo tiêu chuẩn TCVN 5747-1993.

h) Thí nghiệm xác định hàm lượng xi măng cho trụ đất gia cố xi măng:

Để có cơ sở xác định chính thức hàm lượng xi măng và mật độ cọc, cần thiết phải thực hiện công tác sau:

Khoan lấy mẫu đất ở hiện trường (đã khoan và lấy mẫu đất tại các lỗ khoan đất yếu).

Trộn mẫu đất lấy được ở các lỗ khoan với xi măng các hàm lượng khác nhau, đem thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý tương ứng với các ngày tuổi 14, 28 ngày.

Mục tiêu của thí nghiệm này nhằm xác định các đặc trưng cường độ của đất tự nhiên khi trộn với xi măng phục vụ tính toán tối ưu trong thiết kế và thi công, đồng thời dự tính hàm lượng xi măng để thi công trụ thử nghiệm.

Tại lỗ khoan lấy mẫu đất thí nghiệm ở các độ sâu khác nhau: dự kiến 3 mặt cắt. Ký hiệu thành 3 mặt cắt địa chất khác nhau: MCI-1, MCI-2, MCI-3. Bảo quản mẫu đảm bảo điều kiện làm việc tự nhiên.

Chế bị mẫu đất với xi măng theo hàm lượng khác nhau, dự kiến hàm lượng theo trọng lượng đất ướt.

i) Công tác An toàn lao động và đảm bảo an toàn giao thông khi tổ chức khoan địa chất. Các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

Trang bị cho nhân viên khảo sát đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ an toàn lao động như giày, mũ và quần áo bảo hộ lao động,...

Liên tục kiểm tra đôn đốc đảm bảo việc thực hiện các công tác khảo sát đảm bảo an toàn lao động.

Trước khi thi công, đơn vị khảo sát phải kiểm tra hiện trường xung quanh vị trí các lỗ khoan địa chất, đánh giá mức độ ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình xây dựng khi thi công. Xem xét vị trí khoan và đặt máy khoan có bị vướng hoặc làm hỏng các đường ống thoát nước, cáp điện ngầm, cáp điện thoại, cáp quang... Nếu vướng cần liên hệ với cơ quan quản lý các công trình để có biện pháp bảo vệ tránh bị hỏng hóc, mất an toàn khi khoan phải chướng hoặc dịch chuyển vị trí lỗ khoan. Lưu ý bắt buộc đơn vị khoan khảo sát phải đào thăm đối với lỗ khoan lân cận/trong phạm vi phân bố công trình ngầm trước khi khoan khảo sát.

Trong trường hợp khoan khảo sát vào ban đêm phải có đèn báo theo quy định.

Trong quá trình khoan khảo sát, khi cần phải có người hướng dẫn bằng tín hiệu hoặc cờ.

Hoàn trả mặt bằng ngay sau khi khoan xong.

** Ghi chú:*

- Chiều sâu lỗ khoan là dự kiến, trong quá trình khoan ở hiện trường, chiều sâu có thể thay đổi tăng hoặc giảm khi đủ điều kiện kết thúc lỗ khoan theo quy định.

- Tất cả các lỗ khoan khi kết thúc (vượt quá hay thấp hơn đề cương) đều phải thỏa mãn điều kiện kết thúc lỗ khoan nêu trên và phải báo cáo Chủ nhiệm thiết kế, Chủ nhiệm khảo sát địa chất, Chủ đầu tư xem xét thống nhất và ký bằng biên bản để làm cơ sở nghiệm thu.

- Trường hợp khoan lớn chiều sâu dự kiến của đề cương mà vẫn không thỏa mãn các điều kiện trên thì chủ nhiệm địa chất phối hợp với Chủ nhiệm thiết kế và các bên liên quan tính toán sơ bộ tải trọng để quyết định chiều sâu lỗ khoan để dùng cho phù hợp và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

1.4.4. Khảo sát thủy văn:

- Tận dụng các số liệu khí tượng, thủy văn ở bước ở bước Báo cáo nghiên cứu khả thi.

1.4.5. Khảo sát mỏ vật liệu và bãi đổ vật liệu thừa:

Điều tra, khảo sát các mỏ vật liệu xây dựng: Tận dụng kết quả điều tra, khảo sát mỏ vật liệu đã thực hiện giai đoạn trước và điều tra khảo sát bổ sung để phục vụ thiết kế;

Các khối lượng ghi trong đề cương này căn cứ và quy trình khảo sát để xác định và dự kiến, trong quá trình thực hiện tùy theo địa hình cụ thể, địa tầng khu vực v.v... có thể thay đổi (thêm hoặc bớt).

Những khối lượng thay đổi quá 10% phải được sự thống nhất và đồng ý của chủ nhiệm lập dự án và các chủ trì hạng mục. Các yêu cầu này sẽ phải tổng hợp lập thành văn bản báo cáo tổng thể và các chủ trì nghiệp vụ. Sau đó sẽ lập thành văn bản báo cáo chủ đầu tư.

2. Lập thiết kế bản vẽ thi công:

2.1. Các căn cứ pháp lý để lập thiết kế bản vẽ thi công

- Thiết kế cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 07/5/2025.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng nêu trong thiết kế cơ sở đã được phê duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành được áp dụng.
- Các tài liệu pháp lý liên quan (văn bản thoả thuận với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thiết kế; các yêu cầu về bảo vệ môi trường, công trình, tài sản của tổ chức, cá nhân ...).

2.2. Yêu cầu đối với thiết kế bản vẽ thi công

Thiết kế bản vẽ thi công phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch xây dựng; cảnh quan, điều kiện tự nhiên và các quy định về kiến trúc; thiết kế cơ sở và dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt;
- Nền móng công trình phải bảo đảm bền vững, không bị lún nứt, biến dạng quá giới hạn cho phép làm ảnh hưởng đến tuổi thọ công trình, các công trình lân cận;
- Nội dung thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với yêu cầu theo quy định, thoả mãn yêu cầu về chức năng sử dụng; bảo đảm mỹ quan, giá thành hợp lý;
- Giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng; tạo điều kiện cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em sử dụng công trình. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.
- Đồng bộ trong từng công trình, đáp ứng yêu cầu vận hành, sử dụng công trình; đồng bộ với các công trình liên quan
- Thiết kế cần phải có được sự chấp thuận của các đơn vị quản lý các công trình có liên quan (nếu cần).
- Nhà thầu phải đệ trình cơ sở thiết kế, phương pháp thiết kế và một bản kế hoạch đảm bảo chất lượng đối với nhiệm vụ thiết kế cho Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thiết kế.
- Các tiêu chuẩn được xem xét đề xuất áp dụng cho công tác thiết kế bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế trong các tiêu chuẩn được nêu trong thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.
- Các chỉ dẫn kỹ thuật và bản vẽ cần tránh sử dụng những tên hiệu được ưa chuộng đối với các cấu kiện riêng của công trình càng xa càng tốt và trong trường hợp không thể tránh được điều này thì cần thêm vào đằng sau tên hiệu đó những từ “hoặc tương đương”.

2.3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công

Nội dung thiết kế BVTC bao gồm phần thuyết minh thiết kế BVTC, thuyết minh biện pháp tổ chức thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ chi tiết của bước thiết kế BVTC, quy trình bảo trì công trình (nếu có), phụ lục tính toán.

a) Thuyết minh thiết kế BVTC:

- Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định, nhưng phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được để người trực tiếp thi công xây dựng thực hiện theo đúng thiết kế và các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Mô tả về quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công trình bao gồm công trình chính, công trình phụ và các công trình khác; tiêu chuẩn áp dụng, các phương án thiết kế, các quy định về vật liệu, quy trình thi công và nghiệm thu áp dụng, khối lượng thi công, phương án tổ chức xây dựng.

b) Thuyết minh biện pháp tổ chức thi công:

- Giới thiệu chung về công trình;

- Biện pháp tổ chức thi công:

+ Khu phụ trợ sản xuất, hệ thống điện, nước và đường vận chuyển máy thi công, vật tư, vật liệu phục vụ thi công;

+ Mặt bằng tổ chức thi công và biện pháp tổ chức hiện trường đảm bảo an ninh, an toàn;

+ Công tác tổ chức thi công;

+ Quy định thi công và nghiệm thu;

+ Công tác đảm bảo vệ sinh công nghiệp môi trường, các công trình xung quanh, an toàn lao động, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ;

+ Tổng hợp kiến nghị.

c) Chỉ dẫn kỹ thuật:

Chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm phần chỉ dẫn chung và các chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng loại công việc xây dựng chủ yếu. Chỉ dẫn kỹ thuật phải thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện; trong đó nêu rõ các sai số cho phép trong thi công xây dựng, các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra đối với vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình, quy định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

d) Bản vẽ chi tiết của bước thiết kế BVTC:

Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công chính xác và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình, bao gồm:

- Các bản vẽ mặt bằng: Mặt bằng quy hoạch tổng thể; Mặt bằng chi tiết hệ thống thoát nước; Mặt bằng chi tiết cấp điện, chiếu sáng; Mặt bằng chi tiết hệ thống công trình phụ trợ; Mặt bằng xây dựng và định vị công trình; Mặt bằng sử dụng đất đai; Mặt bằng rà phá bom mìn, vật nổ; Thiết kế tổ chức thi công định hướng; Tiến độ thi công định hướng.

- Các bản vẽ thiết kế thi công chi tiết.

- Các phụ lục tính toán khối lượng chi tiết.

e) Quy trình bảo trì công trình (nếu có):

Quy trình bảo trì công trình: quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại, cấp công trình và mục đích sử dụng của công trình. Nội dung chính của quy trình bảo trì công trình bao gồm:

- Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

- Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;

- Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;

- Quy định thời gian sử dụng của công trình;

- Quy định về nội dung, thời gian đánh giá định kỳ đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;

- Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;

- Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2.4. Quy cách hồ sơ thiết kế BVTC

- Hồ sơ thiết kế được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình và quy trình bảo trì công trình xây dựng.

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên và được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế,

chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, quy trình bảo trì công trình, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ thiết kế theo khuôn khổ thống nhất có danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

- Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, yêu cầu của thiết kế và các quy định hiện hành.

2.5. Quản lý chất lượng thiết kế BVTC

Việc quản lý chất lượng thiết kế BVTC theo quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra nội bộ đối với hồ sơ thiết kế xây dựng công trình trong quá trình thiết kế và trước khi giao hồ sơ thiết kế cho chủ đầu tư. Nhà thầu thiết kế chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện công việc kiểm tra chất lượng thiết kế.

Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình cử người có đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả theo quy định trong quá trình thi công xây dựng;

Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký thi công xây dựng công trình yêu cầu thực hiện đúng thiết kế và có văn bản thông báo cho chủ đầu tư;

Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư. Qua công tác giám sát tác giả hoặc trong quá trình tham gia nghiệm thu, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì nhà thầu thiết kế xây dựng công trình phải có văn bản gửi chủ đầu tư, trong đó nêu rõ lý do không đủ điều kiện nghiệm thu.

3. Lập dự toán xây dựng:

Công tác lập dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành.

Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình.

Dự toán xây dựng công trình được xác định trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình và định mức xây dựng, giá xây dựng của công trình.

4. Lập mô hình thông tin công trình (BIM) cho giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và quản lý dự án công trình.

4.1. Mục tiêu áp dụng BIM

- Mô hình hóa 3D thể hiện trực quan công trình, cấu tạo chi tiết kết cấu, thể hiện rõ giải pháp thiết kế của công trình... Từ đó hỗ trợ các thành viên tham gia dự án hiểu rõ khi thảo luận, phân công các nhiệm vụ. Các bên liên quan dự án hiểu rõ về giải pháp thiết kế để xem xét, quyết định lựa chọn cho phù hợp.

- Phát hiện, kiểm soát các lỗi xung đột giữa các bộ môn thiết kế, giữa các hạng mục công trình hoặc các cấu kiện, đặc biệt hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình ngầm, từ đó giảm thiểu việc thay đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung thiết kế trong quá trình thực hiện.

- Kiểm soát khối lượng thiết kế, tránh các sai sót do lỗi chủ quan.

- Xây dựng và sử dụng môi trường dữ liệu chung (CDE) nhằm chia sẻ, trao đổi thông tin dự án trên cùng một môi trường kỹ thuật số, giúp các bên liên quan phối hợp thuận lợi, hiệu quả, tiết kiệm thời gian.

- Cải thiện khả năng phối hợp thiết kế giữa các bên tham gia vào dự án, góp phần giảm các chi phí không lường trước trong quá trình thi công, giảm rủi ro gây ra kéo dài tiến độ thi công;

- Trong giai đoạn thi công: cập nhật thông tin của dự án theo thực tế thi công công trình, hỗ trợ công tác hoàn công, kiểm soát khối lượng chính dựa trên mô hình BIM.

4.2. Nội dung áp dụng BIM

TT	Nội dung áp dụng	Giai đoạn	
		TK BVTC	Thi công
1	Khởi tạo thiết kế từ mô hình BIM: Tạo lập mô hình 3D BIM cho các hạng mục của công trình và xuất bản vẽ 2D từ mô hình cho các thành phần chính của công trình.	1	
2	Phối hợp mô hình 3D BIM: Phối hợp mô hình 3D BIM của các bộ môn trong suốt quá trình triển khai để xác định các xung đột trước khi thi công.	1	1
3	Kiểm tra thiết kế: Dựa trên mô hình 3D BIM kiểm tra các sai sót hoặc thiếu sót trong phương án thiết kế.	1	
4	Kiểm soát khối lượng: Dựa trên mô hình BIM xuất các khối lượng chính phục vụ kiểm tra khối lượng với phương pháp truyền thống.	1	1
5	Môi trường dữ liệu chung (CDE): Thiết lập môi trường dữ liệu chung để phối hợp giữa các bên liên quan trong dự án.	1	1
6	Khởi tạo mô hình biện pháp thi công: Tạo lập mô hình biện pháp thi công chủ đạo cho các kết cấu chính của cầu.	2	2

TT	Nội dung áp dụng	Giai đoạn	
		TK BVTC	Thi công
7	Tiến độ thi công: Thể hiện tiến độ thi công kế hoạch và cập nhật tiến độ thi công thực tế trên mô hình		2
8	Tạo lập mô hình hoàn công: Cập nhật mô hình trong giai đoạn thi công để tạo lập mô hình hoàn công		1

Ghi chú: 1: mức độ ưu tiên cao, 2: mức độ ưu tiên trung bình.

4.3. Phạm vi công việc

4.3.1. Giai đoạn chuẩn bị áp dụng

- Đào tạo, hướng dẫn áp dụng mô hình thông tin công trình với các đơn vị trong dự án (bao gồm Ban QLDA, tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công, giám sát...):

+ Đào tạo các kiến thức chung về BIM

+ Đào tạo sử dụng môi trường dữ liệu chung (CDE)

- Thiết lập và Quản lý Môi trường dữ liệu chung CDE;

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện BIM.

4.3.2. Giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công

- Tạo lập mô hình hiện trạng (bề mặt địa hình, tuyến đường, hạ tầng kỹ thuật hiện hữu có kết nối với dự án);

- Tạo lập mô hình 3D BIM trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công, bao gồm các thành phần sau:

+ Mô hình hệ thống đường ống hạ tầng kỹ thuật (thoát nước mưa, thoát nước thải...), hào kỹ thuật;

+ Và các hạng mục công trình phụ trợ khác (hệ thống chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông, cây xanh cảnh quan...).

- Các bản vẽ cho các thành phần chính của công trình cần phải được xuất ra từ mô hình để đảm bảo tính nhất quán (lập danh sách chi tiết các bản vẽ được xuất ra từ mô hình trong Kế hoạch thực hiện BIM).

- Các mô hình giữa các bộ môn được phối hợp để đảm bảo việc khởi nối, kiểm tra, phát hiện và xử lý trước các va chạm theo ma trận va chạm, đánh giá kỹ các va chạm cần xử lý trước và các va chạm có thể điều chỉnh tại công trường.

- Các bên liên quan xem xét kiểm tra thiết kế trực tiếp trên mô hình và kết hợp với các bản vẽ đã được xuất ra từ mô hình để phục vụ cho việc phê duyệt thiết kế.

- Trích xuất các khối lượng cho các thành phần chính của công trình từ mô hình 3D BIM, các khối lượng này là căn cứ để kiểm tra lại các khối được đã được

bóc tách theo phương pháp truyền thống (lập danh sách chi tiết các khối lượng được xuất từ mô hình trong Kế hoạch thực hiện BIM).

- Các bên phải thực hiện sử dụng môi trường dữ liệu chung CDE trong việc đệ trình các tài liệu của dự án và phối hợp trao đổi giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình thực hiện.

- Thực hiện tạo lập mô hình tổ chức biện pháp thi công chủ đạo điển hình cho các kết cấu chính (lập danh sách chi tiết các biện pháp thi công chủ đạo điển hình sẽ để hiện trên mô hình. Mô hình biện pháp thi công này là cơ sở để đánh giá khả năng thi công, các va chạm hoặc rủi ro tiềm ẩn khi thi công và là một trong những căn cứ để nhà thầu thực hiện thi công.

4.3.3. Giai đoạn thi công

- Các mô hình 3D BIM được tạo lập từ giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công được tiếp tục cập nhật trong giai đoạn thi công để tạo lập mô hình hoàn công cho dự án, bao gồm các thành phần sau:

+ Mô hình hệ thống đường ống hạ tầng kỹ thuật (thoát nước mưa, thoát nước thải...), hào kỹ thuật;

+ Và các hạng mục công trình phụ trợ khác (hệ thống chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông, cây xanh cảnh quan...).

- Các mô hình giữa các bộ môn được vẫn tiếp tục được phối hợp trong giai đoạn thi công khi có các điều chỉnh để đảm bảo việc khởi nôi, kiểm tra, phát hiện và xử lý trước các va chạm trước khi thi công.

- Các khối lượng cho các thành phần chính của công trình từ mô hình 3D BIM khi có các điều chỉnh hoặc thay đổi thiết kế, các khối lượng này là căn cứ để kiểm tra lại các khối được đã được bóc tách theo phương pháp truyền thống theo danh sách bảng khối lượng đã được lập.

- Các bên phải thực hiện sử dụng môi trường dữ liệu chung CDE trong việc đệ trình các tài liệu của dự án và phối hợp trao đổi giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình thực hiện.

- Thực hiện cập nhật mô hình tổ chức biện pháp thi công chủ đạo điển hình cho các kết cấu chính theo danh sách chi tiết các biện pháp thi công chủ đạo điển hình sẽ để hiện trên mô hình. Mô hình biện pháp thi công này là cơ sở để đánh giá khả năng thi công, các va chạm hoặc rủi ro tiềm ẩn khi thi công và là một trong những căn cứ để nhà thầu thực hiện thi công.

- Thực hiện nhập tiến độ thi công kế hoạch vào mô hình và cập nhật tiến độ thi công thực tế hàng tuần vào mô hình để đưa ra các báo cáo tiến độ thi công.

4.4. Môi trường dữ liệu dùng chung (CDE) và Định dạng trao đổi dữ liệu

4.4.1. Môi trường dữ liệu dùng chung (CDE)

- Cấu trúc của CDE phải đảm bảo cấu trúc yêu cầu tối thiểu theo tài liệu Hướng dẫn chung áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) - Quyết định số 348/QĐ-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

- Hệ thống CDE được đơn vị Tư vấn cung cấp đảm bảo hoạt động trong thời gian thực hiện thiết kế kỹ thuật, từ giai đoạn khảo sát, thiết kế, thẩm tra, phê duyệt. Sau đó sẽ được bàn giao cho Chủ đầu tư để tiếp tục trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Hệ thống phân quyền sử dụng tại CDE phải phù hợp với vai trò trách nhiệm của các bên tham gia dự án. Các chức năng chia sẻ dữ liệu phải đảm bảo quy tắc về an toàn bảo mật dữ liệu cho các bên.

4.4.2. Định dạng trao đổi dữ liệu

Trong quá trình thực hiện, thống nhất định dạng sử dụng để trao đổi dữ liệu đảm bảo thông tin được thông suốt.

- Định dạng LandXML: ưu tiên sử dụng cho bề mặt khảo sát, mô hình công trình dạng tuyến...

- Định dạng IFC: ưu tiên sử dụng cho mô hình kết cấu: phần cầu, hầm, kết cấu khác...

- Định dạng bản vẽ DWG;

- Định dạng gốc cũng có thể được sử dụng trong suốt quá trình thiết kế.

4.5. Tổ chức thực hiện

Dự kiến sơ đồ tổ chức thực hiện mô hình thông tin công trình bao gồm nhưng không giới hạn các vị trí:

- Chủ nhiệm dự án;

- Quản lý BIM (BIM Manager);

- Điều phối viên BIM (BIM Coordinator);

- Kỹ sư mô hình (BIM Modeller).

4.6. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện BIM

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện BIM (BEP) trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận;

- Thiết lập môi trường làm việc chung (bao gồm xây dựng môi trường dữ liệu chung (CDE), các quy định của việc phối hợp, ...);

- Thiết lập và thống nhất các biểu mẫu (bản vẽ, công văn, tài liệu, ...), các tiêu chuẩn hướng dẫn áp dụng trong dự án, quy định cho việc phối hợp giữa các bên tham gia...

- Lập kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực, phân giao nhiệm vụ quyền hạn giữa các bộ phận thực hiện BIM;

- Quản lý, điều phối quá trình thực hiện BIM;

- Xây dựng mô hình BIM theo tiêu chuẩn, phương pháp, quy trình sản xuất thông tin và tài nguyên được chia sẻ theo yêu cầu trong Kế hoạch thực hiện BIM (BEP).

- Quản lý thông tin trên CDE, đảm bảo các thông tin, dữ liệu phù hợp với các phương pháp và quy trình sẽ sử dụng để tạo lập thông tin mô hình, đáp ứng các yêu cầu thông tin và phù hợp với phạm vi công việc, mức độ phát triển thông tin.

- Kiểm tra chất lượng nội bộ, xem xét trước khi trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu phải bố trí nhân sự thực hiện gói thầu, gồm các chuyên gia: Quản lý BIM của dự án, Chuyên gia áp dụng BIM cho dự án, Điều phối BIM cho dự án, Chuyên viên tạo lập mô hình BIM. Chuyên gia bố trí thực hiện hợp đồng phải có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định (theo từng vị trí yêu cầu), có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của từng công việc tư vấn.

4.7. Yêu cầu về sản phẩm và kỹ thuật

TT	Tên cấu kiện	LOD TKBVTC	Thông tin phi hình học cần đính kèm
1	Các lớp kết cấu nền mặt đường, vỉa hè, xử lý nền; kết cấu hầm kín, hầm hở, tường chắn, gờ chắn; kết cấu bề trạm bơm	300	- Loại vật liệu. - Thông số và đặc tính kỹ thuật các lớp vật liệu thiết kế (độ chặt, đường kính, bề dày kết cấu,...) - Khối lượng lớp kết cấu.
2	Các chi tiết kết cấu giao thông (Bó vỉa, bó lề, dải phân cách,...)	300	- Loại vật liệu. - Cường độ chịu nén bê tông sau 28 ngày (Mpa). - Khối lượng bê tông, ván khuôn.
3	Kết cấu hố ga, hố cáp các loại (phần đúc sẵn, đổ tại chỗ, cổ ga,...)	300	- Loại vật liệu. - Cường độ chịu nén bê tông sau 28 ngày (Mpa). - Khối lượng bê tông, ván khuôn, cốt thép. - Cao độ đáy ga.
4	Kết cấu ống, cống, gôl cống các loại chế tạo sẵn (Mua ở nhà máy)	300	- Loại vật liệu. - Thông số kỹ thuật đường ống, cống (tải trọng, nhà sản xuất, chiều dài,...). - Cao độ đầu, cuối cống.

TT	Tên cấu kiện	LOD TKBVTC	Thông tin phi hình học cần đính kèm
5	Kết cấu cống, gói cống tự sản xuất ngoài công trường	350	- Loại vật liệu. - Thông số kỹ thuật đường ống, cống (tải trọng, cường độ chịu nén bê tông sau 28 ngày (Mpa), chiều dài,...). - Khối lượng bê tông, ván khuôn, cốt thép. - Cao độ đầu, cuối cống.
6	Bê tông lót móng các loại	300	- Loại vật liệu. - Khối lượng bê tông, ván khuôn.
7	Chi tiết miệng thu nước	300	- Loại vật liệu. - Khối lượng bê tông, ván khuôn, cốt thép.
8	Các chi tiết khác (nắp, chắn rác,...)	300	- Loại, thông số vật liệu.
9	Kết cấu hào kỹ thuật, bể cấp các loại	300	- Loại vật liệu - Cường độ chịu nén bê tông sau 28 ngày (Mpa). - Khối lượng bê tông, ván khuôn, cốt thép. - Cao độ đáy, đỉnh hầm ga
1	Kết cấu cọc xi măng đất	350	- Loại cọc; Loại vật liệu. - Cường độ chịu nén sau 28 ngày (Mpa). - Cao độ đỉnh, cao độ đáy cọc. - Khối lượng liên quan các loại cọc.
	Chiều sáng giao thông		- Loại vật liệu. - Khối lượng bê tông, ván khuôn.
1	Các kết cấu phụ trợ thi công (máy móc, thiết bị, lán trại, bãi đúc phục vụ thi công)	200	- Loại cấu kiện.

5. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện gói thầu là 20 tháng (trong đó: thời gian khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán xây dựng: 02 tháng; thời gian lập BIM và cập nhật BIM trong quá trình thi công: 18 tháng).

6. Hồ sơ giao nộp

6.1. Báo cáo kết quả khảo sát

Nội dung hồ sơ và các báo cáo tuân theo các yêu cầu được nêu trong quy trình khảo sát đường ô tô TCCS 31:2020 và các quy định hiện hành của Nhà nước được lập thành 06 bộ kèm theo file scan.

6.2. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình được lập theo quy định nêu trong Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình. Hồ sơ giao nộp gồm: 01 bộ gốc, 05 bộ phô tô và kèm theo files scan hồ sơ thiết kế đã được đóng dấu thẩm định.

6.3. Hồ sơ mời thầu

Hồ sơ mời thầu được lập theo Mẫu do Bộ Kế hoạch đầu tư ban hành và các quy định khác có liên quan: 03 bộ kèm theo files trên đĩa CD.

7. Trách nhiệm của Tư vấn

- Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công; cử người có đủ năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế và các vị trí công việc khác có liên quan theo quy định của hợp đồng.

- Sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng yêu cầu của bước thiết kế bản vẽ thi công và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho Dự án.

- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng; bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác;

- Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

- Thực hiện công việc đúng pháp luật và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi các thiết kế bất hợp lý do lỗi của mình gây ra.

- Cử người có đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng.

- Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

- Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng.

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

- Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng.

- Tham gia nghiệm thu khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

- Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

- Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

- Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

8. Trách nhiệm của bên mời thầu

- Cung cấp các tài liệu liên quan đến hồ sơ khảo sát, lập dự án để nhà thầu tư vấn phục vụ công tác thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán và lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo nhiệm vụ tư vấn.

- Tạo điều kiện tốt nhất có thể về giấy phép làm việc, thủ tục thuế... để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn.

- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến Dự án và Hồ sơ yêu cầu; Tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

- Thanh toán cho nhà thầu theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 03 ngày làm việc.

- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p> <p>1.14 “Ngày bắt đầu” là ngày Nhà thầu bắt đầu thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư được xác định không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc là ngày theo thông báo của Chủ đầu tư về việc thực hiện hợp đồng tùy thuộc vào ngày nào đến muộn hơn.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p>

th

	<p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình</p>

	<p>theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
5. Bản quyền	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù</p>

	<p>đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ</p>

	<p>thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát</p>

	<p>sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện</p>

	<p>một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p>

	<p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
21. Trường hợp bất khả kháng	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình</p>

công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

		<p>- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.</p> <p>- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.</p>
22.	Giải quyết tranh chấp	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
23.	Thông báo	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. - Điện thoại: 0225 3747866. - Fax: 0225 3842436 - E-mail: bqlgt@haiphong.gov.vn
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Hải An, TP. Hải Phòng.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: - Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; - Các tài liệu khác có liên quan.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có quy định khác.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Theo quy định hiện hành.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: - Khảo sát: Đơn giá cố định. - Lập thiết kế BVTC, dự toán và lập BIM: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Tạm ứng tối đa không quá 30% giá trị hợp đồng. Căn cứ kế hoạch vốn của dự án, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản về số lần tạm ứng, giá trị tạm ứng để Nhà thầu thực hiện thủ tục tạm ứng theo quy định của hợp đồng. Thông báo tạm ứng Hợp đồng của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.

	<p>- Thời điểm tạm ứng: Việc tạm ứng hợp đồng được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.</p> <p>Trường hợp cần bổ sung khoản tiền tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ Thông báo điều chỉnh tạm ứng hợp đồng bằng văn bản. Thông báo điều chỉnh tạm ứng Hợp đồng của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.</p> <p>- Mức thu hồi và thời điểm thu hồi tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất thực hiện tại từng hồ sơ thanh toán trên cơ sở khối lượng và tiến độ hoàn thành của hợp đồng. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Các đợt thanh toán có lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành dưới 60% giá trị hợp đồng: Mức thu hồi tối thiểu là 30% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt hồ sơ thanh toán;</p> <p>+ Các đợt thanh toán có lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ 60% đến 80% giá trị hợp đồng: Mức thu hồi tối thiểu là 50% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt hồ sơ thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.</p> <p>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p> <p>10.2. Thanh toán:</p> <p>- Đối với phần Khảo sát: Thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu tương ứng với các giai đoạn thanh toán và đơn giá hợp đồng.</p> <p>- Đối với phần lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và lập BIM: Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá trị khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với các giai đoạn thanh toán.</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị của từng lần thanh toán sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng và các khoản tiền giữ lại (nếu có) theo quy định của hợp đồng đảm bảo không vượt giá trị thanh toán tối đa theo quy định, giá trị thanh toán còn lại sẽ thanh toán theo quy định của hợp đồng và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.</p> <p>- Đồng tiền thanh toán: VND.</p>
--	--

	<p>- Số lần thanh toán: Tối đa không quá 10 lần. Trường hợp cần điều chỉnh số lần thanh toán, Nhà thầu sẽ kiến nghị để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận. Thông báo chấp thuận của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.</p> <p>- Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ ký hồ sơ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu theo quy định.</p> <p>- Tài liệu thanh toán: Nhà thầu sẽ phải trình 07 bộ hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu cho mỗi lần đề nghị thanh toán. Hồ sơ thanh toán do Nhà thầu lập bao gồm 06 bộ gốc các tài liệu chủ yếu (tài liệu hỗ trợ) theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về thanh toán vốn đầu tư hoặc các quy định khác thay thế (nếu có).</p> <p>Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <p>(i) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>(ii) Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;</p> <p>(iii) Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày bắt đầu cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 07 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Theo quy định hiện hành.

E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 70% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <p>(i) Nhà thầu phụ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực hành nghề, năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phụ có tất cả các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định.</p> <p>(ii) Khi sử dụng nhà thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đối với các nhà thầu phụ khác chưa được đề cập trong E-HSDT: Nhà thầu phải đệ trình các tài liệu chi tiết liên quan đến năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ tương ứng với nội dung, công việc cụ thể dự kiến nhà thầu phụ sẽ thực hiện để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.+ Nhà thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện.+ Tại nơi có thể thực hiện được, Nhà thầu cần tạo cơ hội công bằng và hợp lý cho các nhà thầu địa phương được chỉ định làm Nhà thầu phụ. <p>(iii) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.- Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng. <p>iv) Chủ đầu tư có quyền thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Nhà thầu hoặc trong các trường hợp Nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chỉ định thực hiện các công việc trong hợp đồng mà Nhà thầu không thực hiện theo</p>

	<p>yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm hoàn thành công trình theo tiến độ của hợp đồng.</p>
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,5% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>a) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 12 [Thời gian thực hiện Hợp đồng], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.</p> <p>b) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.</p> <p>c) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p> <p>d) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].</p> <p>e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.</p> <p>f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 21 [Trường hợp bất khả kháng].</p>

	Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].</p> <p>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 90 ngày.</p> <p>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p>
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng, số 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.</p> <p>Điện thoại: 0225 3747866. Fax: 0225 3842436.</p> <p>E-mail: bqlgt@haiphong.gov.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**
[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên người quyết định đầu tư] về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;
- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền
[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền
[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.